

## **1. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Luật Kinh tế
- Tên tiếng Anh: Business law
- Tên Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế
- Mã ngành đào tạo của CTĐT: 738 01 07
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Phương thức tổ chức đào tạo: Tín chỉ
- Hình thức tổ chức đào tạo: Trực tiếp kết hợp trực tuyến
- Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh CTĐT: Tháng 6/2021

## **2. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC**

### **2.1. Sứ mạng của Trường Đại học Luật Hà Nội**

Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

### **2.2. Tầm nhìn đến năm 2030 của Trường Đại học Luật Hà Nội**

Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

### **2.3. Giá trị cốt lõi**

*Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.*

### **2.4. Triết lý giáo dục**

Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

## **3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **3.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế, thực tiễn pháp lý và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế; bước đầu có định hướng chuyên sâu, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và thực hành. Sản phẩm của chương trình đào tạo là các cử nhân luật kinh tế có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, có kiến thức và năng lực để có thể nghiên cứu cũng như giải quyết được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế, đủ điều kiện dự tuyển vào các

chương trình đào tạo sau đại học ngành Luật Kinh tế và các chuyên ngành Luật khác tại Việt Nam theo quy định.

### 3.2. Mục tiêu cụ thể

- **G1:** Người học đạt được kiến thức nền tảng về pháp luật kinh tế và một số lĩnh vực pháp luật kinh tế chuyên sâu đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao.

- **G2:** Người học nắm vững kiến thức về các lĩnh vực pháp luật hành chính, pháp luật dân sự, pháp luật quốc tế và các lĩnh vực pháp luật khác có liên quan nhằm khẳng định Trường Đại học Luật Hà Nội là trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật của Việt Nam.

- **G3:** Người học có được khả năng nghiên cứu pháp luật và năng lực giải quyết hiệu quả các vụ việc pháp luật, trọng tâm là các vụ việc trong lĩnh vực kinh tế, đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế.

- **G4:** Người học có kỹ năng nghiên cứu và thực hành nghề luật, trọng tâm là ngành luật kinh tế, góp phần đưa trường Đại học Luật trở thành trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật.

- **G5:** Người học được rèn luyện bản thân và hình thành tư chất con người pháp luật có tinh thần trách nhiệm, trung thực, khách quan, đạo đức nghề nghiệp trong công việc, góp phần đưa Trường Đại học Luật Hà Nội có vị thế trong khu vực và trên thế giới.

### 3.3. Ma trận tương thích của Mục tiêu đào tạo với Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
<b>5 mục tiêu cụ thể của CTĐT</b>	Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyên gia các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp	Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị	<b>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</b>	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

	quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.		
<b>Mục tiêu G1:</b> Người học đạt được kiến thức nền tảng về pháp luật kinh tế và một số lĩnh vực pháp luật kinh tế chuyên sâu đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao.	Nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao.		Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
<b>Mục tiêu G2:</b> Người học nắm vững kiến thức về các lĩnh vực pháp luật hành chính, pháp luật dân sự, pháp luật quốc tế và các lĩnh vực pháp luật khác có liên quan nhằm khẳng định Trường Đại học Luật Hà Nội là trường trọng điểm về đào tạo pháp luật của Việt Nam.		Nhằm khẳng định Trường Đại học Luật Hà Nội là Trường trọng điểm về đào tạo pháp luật của Việt Nam.	Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
<b>Mục tiêu G3:</b> Người học có được khả năng nghiên cứu pháp luật và năng lực giải quyết hiệu quả các vụ việc pháp luật, trọng tâm là các vụ việc trong lĩnh vực kinh tế đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế.	- Khả năng nghiên cứu pháp luật. - Hội nhập quốc tế.		Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
<b>Mục tiêu G4:</b> Người học có kỹ năng nghiên cứu và thực hành nghề luật, trọng tâm là ngành luật kinh tế góp phần đưa Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành		Đưa Trường Đại học Luật trở thành trường trọng điểm về đào tạo pháp luật.	Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và

trường trọng điểm về đào tạo pháp luật.				phụng sự Tổ quốc.
<b>Mục tiêu G5:</b> Người học được rèn luyện bản thân và hình thành tư chất con người pháp luật có tinh thần trách nhiệm, trung thực, khách quan, đạo đức nghề nghiệp trong công việc góp phần đưa Trường Đại học Luật Hà Nội có vị thế trong khu vực và trên thế giới.		Góp phần đưa Trường Đại học Luật Hà Nội có vị thế trong khu vực và trên thế giới.	Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

#### 4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 4.1. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

###### a) Yêu cầu về kiến thức

- **K1:** Kiến thức chuyên sâu về pháp luật thương mại và cạnh tranh.
- **K2:** Kiến thức chuyên sâu pháp luật lao động và an sinh xã hội.
- **K3:** Kiến thức chuyên sâu pháp luật tài chính ngân hàng.
- **K4:** Kiến thức chuyên sâu pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, bồi thường và giải phóng mặt bằng.
- **K5:** Kiến thức chuyên sâu pháp luật môi trường, môi trường trong kinh doanh.
- **K6:** Kiến thức chuyên sâu pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- **K7:** Nắm vững tri thức về một hoặc một số các lĩnh vực pháp luật hẹp và chuyên sâu như: hợp đồng trong thương mại, đầu tư.
- **K8:** Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán.
- **K9:** Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về quản trị nhân sự, pháp luật về quản trị công ty.
- **K10:** Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về bảo vệ quyền lợi người tiêu dung.
- **K11:** Nắm vững tri thức pháp luật thương mại quốc tế và kinh doanh xuất nhập khẩu.
- **K12:** Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về logistic, pháp luật về nhượng quyền thương mại, pháp luật về khởi nghiệp ...
- **K13:** Nắm vững kiến thức kinh tế học Mác – Lênin.
- **K14:** Nắm vững kiến thức về Lý luận về nhà nước và pháp luật.
- **K15:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản như Hiến pháp.

- **K16:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về tổ chức bộ máy nhà nước.
- **K17:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về hành chính.
- **K18:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản dân sự.
- **K19:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản hình sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự.
- **K20:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản hôn nhân và gia đình.
- **K21:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản công pháp quốc tế.
- **K22:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về tư pháp quốc tế.
- **K23:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản kinh tế học, quản trị - kinh doanh, kinh tế - luật.
- **K24:** Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.
- **K25:** Có năng lực giải quyết công việc một cách hiệu quả và sáng tạo, kể cả một số công việc phức tạp trong lĩnh vực luật kinh tế cũng như các lĩnh vực khác có liên quan.
- **K26:** Có năng lực của cố vấn pháp lý trong doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế.
- **K27:** Có năng lực soạn thảo các loại hợp đồng thương mại; phân tích và đưa ý kiến về chiến lược kinh doanh; giải quyết các vấn đề về thuế, chi phí trong kinh doanh.

#### ***b) Yêu cầu về kỹ năng***

- **S28:** Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối liên hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản tới phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.
- **S29:** Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.
- **S30:** Kỹ năng phân tích các tình huống pháp lý từ thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn độc lập để giải quyết các tình huống.
- **S31:** Kỹ năng tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý, phản biện và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật.
- **S32:** Kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm.
- **S33:** Kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong nghề luật.
- **S34:** Kỹ năng liên tục tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ; cập nhật, ứng dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết công việc.
- **S35:** Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý công việc, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.
- **S36:** Kỹ năng làm việc nhóm, hướng dẫn, giám sát và phối hợp với các đồng nghiệp trong xử lý công việc.
- **S37:** Kỹ giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp, với cá nhân, đơn vị, tổ chức khác.

- **S38:** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thông dụng (một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật, Trung) ở mức có thể hiểu được các ý chính của một tài liệu hay bài phát biểu về các chủ đề liên quan đến pháp luật kinh tế; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt một số tình huống pháp luật thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến pháp luật.

- **S39:** Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản (gồm đủ 6 mô đun cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT).

**c) Yêu cầu về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm**

- **T40:** Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia nói chung và của một cố vấn pháp lý về kinh tế nói riêng.

- **T41:** Bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực và yêu nghề.

- **T42:** Lòng tự trọng, tôn trọng người khác và tự chịu trách nhiệm cá nhân.

- **T43:** Tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn.

- **T44:** Tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng và lợi ích của doanh nghiệp, công ty.

- **T45:** Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc.

- **T46:** Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.

- **T47:** Tinh thần ủng hộ sáng tạo và đổi mới.

- **T48:** Tinh thần cầu thị, hợp tác, thân thiện với người khác trong công việc.

- **T49:** Tinh thần làm việc nhóm, biết phối hợp với đồng nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm, giải quyết công việc.

**d) Vị trí việc làm sau tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội có thể đảm nhiệm được các vị trí việc làm thuộc các nhóm công việc: Thực hiện pháp luật; tư vấn pháp luật; giảng dạy và nghiên cứu pháp luật, trong đó:

- Thực hiện pháp luật gồm tham gia thực hiện hoạt động áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý tại các doanh nghiệp, công ty, bộ phận pháp chế của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp; của Quốc hội, Chính phủ; Ban Kinh tế Trung ương; Ban Nội chính Trung ương, Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự; trung tâm bán đấu giá; các công ty định giá, các văn phòng công chứng, cơ quan thuế, hải quan, kiểm lâm, quản lý thị trường; cơ quan cảnh sát kinh tế, an ninh kinh tế, bộ đội biên phòng, cơ quan cảnh sát môi trường; Ủy ban chứng khoán nhà nước, các sở giao dịch chứng khoán; các công ty đầu tư kinh doanh bất động sản; các ngân hàng thương mại, kho bạc; Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia; tham gia các công việc có liên quan đến pháp luật (đặc biệt là lĩnh vực pháp luật kinh tế) tại các cơ quan thông tấn, truyền

thông như phóng viên, biên tập viên về pháp luật; thực hiện các công việc về pháp lý tại các cơ quan nhà nước khác;

- Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng gồm tư vấn, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng trong nước và nước ngoài trong các lĩnh vực pháp luật hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, thương mại, quốc tế... tại các công ty luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, trung tâm trọng tài thương mại; cố vấn pháp lý, chuyên viên pháp lý của doanh nghiệp, chuyên viên pháp lý tại các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp; các vị trí việc làm khác thuộc lĩnh vực tư;

- Giảng dạy, nghiên cứu pháp luật gồm tham gia giảng dạy các môn chuyên ngành luật kinh tế tại các cơ sở đào tạo luật (đối với các cử nhân luật tốt nghiệp loại khá trở lên); tham gia giảng dạy môn pháp luật đại cương và một số môn học khác thuộc lĩnh vực pháp luật như môn giáo dục công dân tại các cơ sở giáo dục, đào tạo; tham gia nghiên cứu khoa học với tư cách là nghiên cứu viên tại các cơ sở đào tạo đại học, các viện nghiên cứu và các cơ sở nghiên cứu pháp luật khác.

#### ***đ) Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp***

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội có thể tiếp tục theo học:

- Khoá đào tạo các chức danh tư pháp (như thẩm phán, công chứng viên, chấp hành viên, luật sư, đấu giá viên...v...), các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghề nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề luật.

- Khoá đào tạo luật ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo luật trong nước và nước ngoài, nếu đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ sở giáo dục đại học.

#### ***e) Các CTĐT, tài liệu, chuẩn mà Trường tham khảo***

- Các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, khung trình độ quốc gia, xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- Một số chương trình đào tạo của một số cơ sở đào tạo nước ngoài (Hoa Kỳ, Pháp, Thụy Điển, Nga, Trung Quốc, Singapore, ...) và trong nước. Cụ thể bao gồm:

##### ***\* Các chương trình đào tạo nước ngoài:***

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh doanh của trường Đại học Tổng hợp Annamalay (Ấn Độ): Tham khảo với các môn Luật Thương mại, Luật Ngân hàng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Môi trường, Luật Tài chính, Luật về bảo vệ người tiêu dùng, ...

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh doanh của trường Đại học tổng hợp Bond (Australia): Tham khảo các môn Luật Tài chính, Luật Thương mại, Kinh tế vi mô, Luật Cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng...

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh doanh của trường Đại học tổng hợp Monash (Australia): Tham khảo với các môn Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Dân sự, Luật Hình sự - phần tội phạm kinh tế...

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật Thương mại của trường Đại học Tổng hợp Curtin (Thụy Sĩ): Tham khảo với các môn Pháp luật về tài chính doanh nghiệp và kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng, Luật Tài chính, Luật Thương mại quốc tế, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Đất đai và pháp luật về kinh doanh bất động sản, Luật Dân sự, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô...

**\* Các chương trình đào tạo trong nước:**

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh doanh của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật Thương mại của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

**\* Các tài liệu nghiên cứu chuyên sâu về chuẩn đầu ra đại học** và về giáo dục đại học nói chung. Cụ thể:

+ Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2015), *Đánh giá trong dạy học đại học*, NXB ĐHSP HN.

+ Trần Thị Tuyết Oanh (2007), *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, NXB ĐHSP Hà Nội.

+ Nguyễn Công Khanh (2004), *Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia.

+ Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh (2015), *Giáo trình Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

+ Lâm Quang Thiệp (2008), *Đo lường và đánh giá hoạt động học tập trong nhà trường*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Lâm Quang Thiệp (2008), *Trắc nghiệm và ứng dụng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

+ Dương Thiệu Tống (2005), *Trắc Nghiệm & Đo Lường Thành Quả Học Tập Phương Pháp Thực Hành*, NXB Phương Nam.

+ Lâm Quang Thiệp (2011), *Đo lường trong giáo dục: Lý thuyết và Ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia HN.

+ Sái Công Hồng, Lê Thái Hưng, Lê Thị Hoàng Hà, Lê Đức Ngọc (2017), *Kiểm tra đánh giá trong dạy học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

**4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu của các chuẩn đầu ra**

Chuẩn	Mục tiêu G1	Mục tiêu G2	Mục tiêu G3	Mục tiêu G4	Mục tiêu G5
<b>* Kiến thức</b>					
<b>K1:</b> Kiến thức chuyên sâu về pháp luật thương mại và cạnh tranh.	X		X	X	X
<b>K2:</b> Kiến thức chuyên sâu pháp luật lao động và an sinh xã hội.	X		X	X	X



<b>K3:</b> Kiến thức chuyên sâu pháp luật tài chính ngân hàng.	X		X	X	X
<b>K4:</b> Kiến thức chuyên sâu pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, bồi thường và giải phóng mặt bằng.	X		X	X	X
<b>K5:</b> Kiến thức chuyên sâu pháp luật môi trường, môi trường trong kinh doanh.	X		X	X	X
<b>K6:</b> Kiến thức chuyên sâu pháp luật về sở hữu trí tuệ.		X	X	X	X
<b>K7:</b> Nắm vững tri thức về một hoặc một số các lĩnh vực pháp luật hẹp và chuyên sâu như: hợp đồng trong thương mại, đầu tư.	X		X	X	X
<b>K8:</b> Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán.	X		X	X	X
<b>K9:</b> Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về quản trị nhân sự, pháp luật về quản trị công ty.	X		X	X	X
<b>K10:</b> Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	X		X	X	X
<b>K11:</b> Nắm vững tri thức pháp luật thương mại quốc tế và kinh doanh xuất nhập khẩu.		X	X	X	X
<b>K12:</b> Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về logistic, pháp luật về nhượng quyền thương mại, pháp luật về khởi nghiệp v.v...		X	X	X	X
<b>K13:</b> Nắm vững kiến thức kinh tế học Mác – Lênin.					X
<b>K14:</b> Nắm vững kiến thức về Lý luận về nhà nước và pháp luật.			X		X
<b>K15:</b> Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản như Hiến pháp.		X	X		X
<b>K16:</b> Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về tổ chức bộ máy nhà nước.		X	X		X
<b>K17:</b> Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về hành chính.		X	X	X	X
<b>K18:</b> Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản dân sự.		X	X	X	X
<b>K19:</b> Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản hình sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự.		X	X	X	X
<b>K20:</b> Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản hôn nhân và gia đình.		X	X	X	X

<b>K21:</b> Hiểu vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản công pháp quốc tế.		X	X		X
<b>K22:</b> Hiểu vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về tư pháp quốc tế.		X	X	X	X
<b>K23:</b> Hiểu vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản kinh tế học, quản trị - kinh doanh, kinh tế - luật.	X		X		X
<b>K24:</b> Hiểu vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.	X		X		X
<b>K25:</b> Có năng lực giải quyết công việc một cách hiệu quả và sáng tạo, kể cả một số công việc phức tạp trong lĩnh vực luật kinh tế cũng như các lĩnh vực khác có liên quan.			X	X	X
<b>K26:</b> Có năng lực của cố vấn pháp lý trong doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế.			X	X	X
<b>K27:</b> Có năng lực soạn thảo các loại hợp đồng thương mại; phân tích và đưa ý kiến về chiến lược kinh doanh; giải quyết các vấn đề về thuế, chi phí trong kinh doanh.			X	X	X
<b>* Kỹ năng</b>					
<b>S28:</b> Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối liên hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản tới phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.			X		X
<b>S29:</b> Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.			X	X	X
<b>S30:</b> Kỹ năng phân tích các tình huống pháp lý từ thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn độc lập để giải quyết các tình huống.			X	X	X
<b>S31:</b> Kỹ năng tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật.			X	X	X
<b>S32:</b> Kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm.			X	X	X
<b>S33:</b> Kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong nghề luật.			X	X	X
<b>S34:</b> Kỹ năng liên tục tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ; cập nhật, ứng	X	X	X	X	X

dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết công việc.					
S35: Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý công việc, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.			X	X	X
S36: Kỹ năng làm việc nhóm, hướng dẫn, giám sát và phối hợp với các đồng nghiệp trong xử lý công việc.			X	X	X
S37: Kỹ giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp, với cá nhân, đơn vị, tổ chức khác.			X	X	X
S38: Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thông dụng (một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật, Trung) ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề liên quan đến pháp luật kinh tế; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt một số tình huống pháp luật thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến pháp luật.			X	X	X
S39: Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản (gồm đủ 6 mô đun cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT).			X	X	X
<b>* Năng lực</b>					
T40: Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia nói chung và của một cố vấn pháp lý về kinh tế nói riêng.			X	X	X
T41: Bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực và yêu nghề.			X	X	X
T42: Lòng tự trọng, tôn trọng người khác và tự chịu trách nhiệm cá nhân.			X	X	X
T43: Tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn.			X	X	X
T44: Tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng và lợi ích của doanh nghiệp, công ty.			X	X	X
T45: Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc.			X	X	X
T46: Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.			X	X	X
T47: Tinh thần ủng hộ sáng tạo và đổi mới.			X	X	X
T48: Tinh thần cầu thị, hợp tác, thân thiện với người khác trong công việc.			X	X	X

T49: Tinh thần làm việc nhóm, biết phối hợp với đồng nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm, giải quyết công việc.			X	X	X
---	--	--	---	---	---

## 5. THÔNG TIN TUYỂN SINH

### 5.1. Khối tuyển sinh (Tổ hợp xét tuyển):

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT: lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12; xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp PTTH theo các tổ hợp A00, A01, C00, D01, D02, D03, D05, D06.

- Hình thức đào tạo chính quy VB2: Thi tuyển 02 môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của Chương trình đào tạo.

### 5.2. Các đợt tuyển sinh:

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức đào tạo chính quy VB2: 02 đợt trong năm tuyển sinh.

**5.3. Chỉ tiêu tuyển sinh:** Được xác định theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường.

### 5.4. Điều kiện tuyển sinh

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Thí sinh tốt nghiệp THPT; trung cấp; cao đẳng.

- Hình thức đào tạo chính quy VB2: Thí sinh tốt nghiệp tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân.

### 5.5. Phương thức tuyển sinh

- Hình thức đào tạo chính quy VB1:

+ Xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia của Đài Truyền hình Việt Nam; các thí sinh đạt giải các kỳ thi quốc tế;

+ Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT;

+ Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp PTTH hằng năm theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho ngành tuyển sinh;

+ Xét tuyển dựa trên kết quả Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ;

- Hình thức đào tạo chính quy VB2: Xét tuyển thẳng đối với các thí sinh có bằng tiến sĩ; thi tuyển 02 môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của Chương trình đào tạo.

### 5.6. Thời gian tuyển sinh

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Tuyển sinh từ tháng 01 đến tháng 12 hằng năm.

- Hình thức đào tạo chính quy VB2 tuyển sinh hai đợt: Đợt 1 từ tháng 3 đến tháng 8; đợt 2 từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm.